

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HCST

Ngày 15 - 9 - 2022

“V/v: Khiếu kiện hành vi hành chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quang Bằng;

Bà Đỗ Thị Kim Thuý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Đại - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Thành Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 29/2021/TLST-HC ngày 01/11/2021 về việc “khiếu kiện hành vi hành chính, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST - HC ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1960 (Vắng mặt);

Bà Trương Thị T1, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

Đều có địa chỉ cư trú: Khu x, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Hoàng Thị Minh D, sinh năm 1984 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (văn bản ủy quyền ngày 20/9/2021.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Trọng L - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (văn bản ủy quyền số 1089/VBUQ ngày 30/5/2022, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của người khởi kiện và những lời khai tiếp theo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Ông Phạm Ngọc T và bà Trương Thị T1 là chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất số 104, tờ bản đồ 32, diện tích 650m² tại tổ dân phố T, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (Thửa

đất số 104). Về nguồn gốc thửa đất này được hình thành từ một phần thửa đất trước đây thuộc thửa đất số 103 và thửa đất số 104 mà ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T) giao cho ông T, bà T1 là xã viên Hợp tác xã nông nghiệp T sử dụng.

Do có nhu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T, bà T1 đã làm đơn ra ủy ban nhân dân phường T đề nghị xét duyệt hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 104. Ủy ban nhân dân phường T ban hành Thông báo số 117/TB-UBND ngày 20/3/2021 về việc trả lời đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 104 của ông Phạm Ngọc T và bà Trương Thị T1 (Thông báo số 117), với nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 việc hộ ông Phạm Ngọc T đề nghị ủy ban nhân dân phường T xét duyệt hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ 32, diện tích 650m² là không có cơ sở.

Do không đồng ý với nội dung Thông báo số 117 nên ông T, bà T1 làm đơn khiếu nại Thông báo số 117. Ngày 18/6/2021 ủy ban nhân dân phường T ban hành Thông báo số 244/TB-UBND về việc trả lời đơn khiếu nại của ông T, bà T1 (Thông báo số 244) với nội dung: Căn cứ Luật đất đai ngày 29/11/2013, căn cứ vào hồ sơ địa chính việc ông bà đề nghị theo đơn khiếu nại không có cơ sở xem xét.

Ngày 24/6/2021 ông T, bà T1 đã khiếu nại Thông báo số 117 và thông báo số 244 gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P. Do không nhận được phản hồi từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P nên ngày 10/8/2021 và ngày 26/8/2021, ông T, bà T1 đã hai lần có đơn đề nghị “*về việc nhanh chóng giải quyết khiếu nại của công dân*” gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P nhưng vẫn không được thụ lý và giải quyết đơn khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P không thụ lý và giải quyết đơn khiếu nại ngày 24/6/2021 của ông Phạm Ngọc T và bà Trương Thị T1 là không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tuyên hành vi không giải quyết đơn khiếu nại của công dân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P là trái pháp luật và buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P giải quyết đơn khiếu nại ngày 24/6/2021 của ông Phạm Ngọc T và bà Trương Thị T1 theo quy định của Luật Khiếu nại.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện- ông Hoàng Trọng L vắng mặt tại phiên tòa. Tại bản tự khai và biên bản đối thoại ông L trình bày:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P nhận được đơn khiếu nại đề ngày 24/6/2021 của ông Phạm Ngọc T và bà Trương Thị T1 ở tổ dân phố T, phường T, thành phố P với nội dung: Khiếu nại Thông báo số 117/TB-UBND ngày 20/3/2021 và Thông báo số 244/TB-UBND ngày 18/6/2021 của ủy ban nhân dân phường T.

Sau khi xem xét nội dung đơn khiếu nại, Ủy ban nhân dân thành phố P có

văn bản trả lời số 417/UBND-TNMT ngày 03/3/2022 với nội dung: Nội dung giải quyết đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất số 104 và đơn khiếu nại thông báo số 117/TB-UBND ngày 20/3/2021 của ủy ban nhân dân phường T của ông Phạm Ngọc T, bà Trương Thị T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch ủy ban nhân dân phường T. Việc ủy ban nhân dân phường T chỉ ban hành thông báo số 244/TB-UBND ngày 18/6/2021 để trả lời đơn khiếu nại của ông Phạm Ngọc T và bà Trương Thị T1 không phải là quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P xác định không có cơ sở để thụ lý và giải quyết khiếu nại lần 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P đã có văn bản đề nghị ủy ban nhân dân phường T giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Ngọc T, bà Trương Thị T1 theo đúng quy định của pháp luật.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đảm bảo đúng trình tự, thủ tục từ khi thụ lý đến tại phiên tòa sơ thẩm; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính; Điều 7, Điều 18 Luật Khiếu nại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc T, bà Trương Thị T1. Tuyên bố: Hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Ngọc T và bà Trương Thị T1 đề ngày 24/6/2021 là trái pháp luật. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết đơn khiếu nại ngày 24/6/2021 của ông Phạm Ngọc T và bà Trương Thị T1 theo quy định của Luật Khiếu nại. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Phạm Ngọc T và bà Trương Thị T1 đã làm đơn khởi kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P tại Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết: Tuyên hành vi không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P là trái pháp luật. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện hành vi giải

quyết đơn khiếu nại ngày 24/6/2021 của ông Phạm Ngọc T và bà Trương Thị T1 theo quy định của Luật khiếu nại. Đây là khởi kiện hành vi hành chính nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính; thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Về trình tự, thủ tục hành chính:

Do có nhu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 104. Ông T Phạm Ngọc T và bà Trương Thị T1 đã làm đơn ra ủy ban nhân dân phường T để đề nghị xét duyệt hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối thửa đất số 104.

Ngày 20/3/2021 ủy ban nhân dân phường T ban hành Thông báo số 117 với nội dung: Hộ ông Phạm Ngọc T đề nghị ủy ban nhân dân phường T xét duyệt hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ 32, diện tích 650m² là không có cơ sở. Không đồng ý với nội dung Thông báo số 117 nên ông T, bà T1 khiếu nại Thông báo số 117.

Ngày 18/6/2021 ủy ban nhân dân phường T ban hành Thông báo số 244 với nội dung là không có cơ sở xem xét đối với đơn khiếu nại của ông T, bà T1.

Ngày 24/6/2021 ông Phạm Ngọc T và bà Trương Thị T1 làm đơn khiếu nại Thông báo số 117 và Thông báo số 244 gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P đã nhận được đơn khiếu nại ngày 24/6/2021 của ông Phạm Ngọc T và bà Trương Thị T1 nhưng không thụ lý và giải quyết đơn khiếu nại nên ngày 10/8/2021 và ngày 26/8/2021, ông T, bà T1 đã hai lần có đơn đề nghị “*về việc nhanh chóng giải quyết khiếu nại của công dân*” gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P nhưng vẫn không được thụ lý giải quyết.

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của ông T, bà T1 Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành văn bản trả lời số 417/UBND-TNMT ngày 03/3/2022, nhưng văn bản này không có nội dung giải quyết khiếu nại.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc T và bà Trương Thị T1 Hội đồng xét xử thấy rằng: Ủy ban nhân dân phường T đã tiếp nhận đơn của ông

Phạm Ngọc T và bà Trương Thị T1 đề nghị Ủy ban nhân dân phường T xét duyệt hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 104. Ngày 20/3/2021 ủy ban nhân dân phường T đã ban hành thông báo số 117. Ông T, bà T1 tiếp tục khiếu nại thông báo số 117. Ngày 18/6/2021 Ủy ban nhân dân phường T ban hành thông báo số 244 với nội dung là không có cơ sở xem xét đối với đơn khiếu nại nêu trên. Ngày 24/6/2021 ông T, bà T1 khiếu nại Thông báo số 117 và Thông báo số 244 gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

Khoản 2 Điều 8 Luật khiếu nại quy định: “*Quyết định hành chính là văn bản do cơ quan hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành để quyết định về một vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể*”.

Theo quy định trên “Quyết định hành chính” được hiểu rộng hơn là “văn bản” được thể hiện dưới hình thức quyết định hoặc dưới hình thức khác như thông báo, kết luận, công văn...do cơ quan hành chính hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước đó ban hành.

Như vậy, thông báo số 117 được ban hành không theo hình thức là quyết định mà là văn bản dưới hình thức thông báo, và Thông báo số 117 do cơ quan hành chính nhà nước ban hành đã quyết định một vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước nên Thông báo số 117 là quyết định hành chính và Thông báo này bị ông Phạm Ngọc T và bà Trương Thị T1 khiếu nại. Ủy ban nhân dân phường T đã ban hành Thông báo số 244. Thông báo số 244 ban hành không đúng hình thức về việc giải quyết khiếu nại nhưng vẫn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T ký và chứa đựng nội dung như một quyết định, đã quyết định một vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước đối với một đối tượng cụ thể. Thông báo số 244 do người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành và có nội dung giải quyết khiếu nại của ông T, bà T1 nên Thông báo số 244 là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu. Do đó việc ông Phạm Ngọc T và bà Trương Thị T1 khiếu nại đối với thông báo số 244 là đúng quy định của Luật khiếu nại.

Tại Điều 18 Luật Khiếu nại quy định thẩm quyền của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện như sau:

1. *Giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình.*

2. *Giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết.*

Theo quy định trên thì việc ông Phạm Ngọc T và bà Trương Thị T1 khiếu nại thông báo số 244 thì thẩm quyền giải quyết khiếu nại thuộc về Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý vụ án thì ngày 03/3/2022 Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành văn bản số 417/UBND-TNMT với nội dung giao cho Ủy ban nhân dân phường T giải quyết khiếu nại của ông Phạm Ngọc T theo quy định của pháp luật. Nội dung của văn bản số 417 không chứa đựng nội dung giải quyết khiếu nại.

Việc ông Phạm Ngọc T và bà Trương Thị T1 khởi kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ra Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc là đúng quy định theo quy định tại Điều 7 Luật Khiếu nại.

“1.Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc quá thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khiếu nại lần hai đến Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, đơn khiếu nại ngày 24/6/2021 của ông Phạm Ngọc T và bà Trương Thị T1 vẫn chưa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P thụ lý và giải quyết.

[3] Từ những phân tích, nhận định trên, căn cứ Điều 18 Luật khiếu nại; Điều 4 Nghị định 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại. Yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, cần tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc không thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại của ông T, bà T1 là trái pháp luật. Cần buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại ngày 24/6/2021 của ông T, bà T1 theo quy định của Luật khiếu nại.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc T và bà Trương Thị T1 được chấp nhận nên ông T, bà T1 không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 7, Điều 18 Luật khiếu nại; khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, khoản 2 Điều 116, điểm c khoản 2 Điều 193, khoản 1

Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc T và bà Trương Thị T1.

Tuyên bố: Hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Ngọc T và bà Trương Thị T1 đề ngày 24/6/2021 là trái pháp luật. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết đơn khiếu nại ngày 24/6/2021 của ông Phạm Ngọc T và bà Trương Thị T1 theo quy định Luật khiếu nại.

2. Về án phí: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí hành chính sơ thẩm. Ông Phạm Ngọc T và bà Trương Thị T1 không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Trả lại bà Trương Thị T1 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006776 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Ngọc